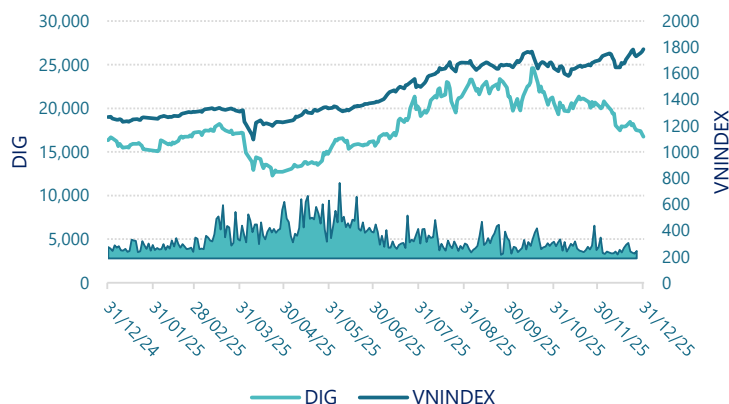


Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng (HSX: DIG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	16,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,278
SL cổ phiếu LH	796,431,191
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,495,920
% sở hữu nước ngoài	2.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,340
P/E	20.0
EPS	836

DT thuần

Q4/25

2,960

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,621 | 121%

YoY: ▲ 2,514 | 564%

LN sau thuế

Q4/25

424

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 231 | 120%

YoY: ▲ 337 | 386%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

19.9%

+/- YoY: ▲ 4.1%

DT thuần

2025

4,724

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3,423 | 263%

LN sau thuế

2025

645

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 543 | 533%

ROE

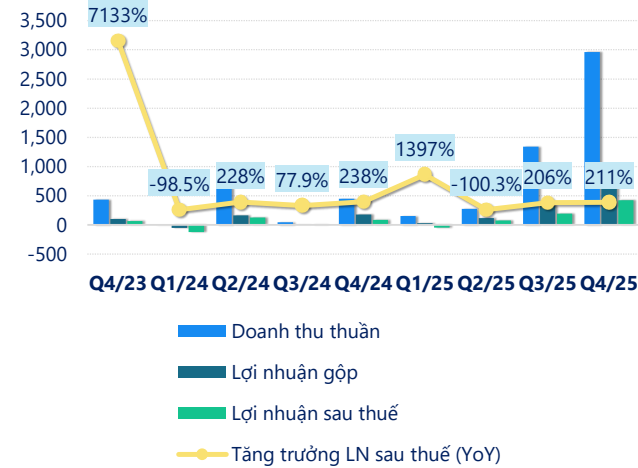
2025

7.4%

+/- YoY: ▲ 5.9%

tỷ VNĐ

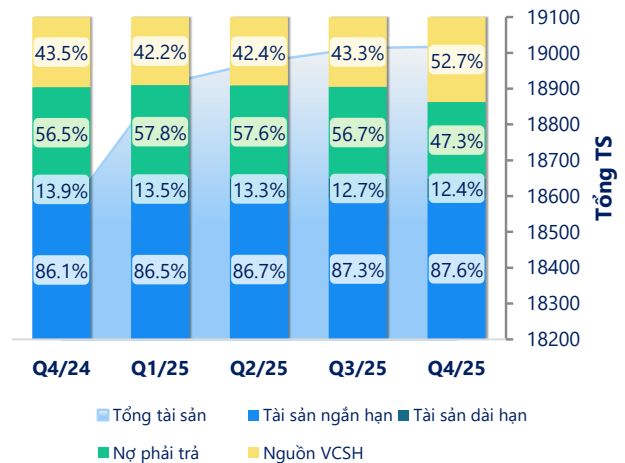
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

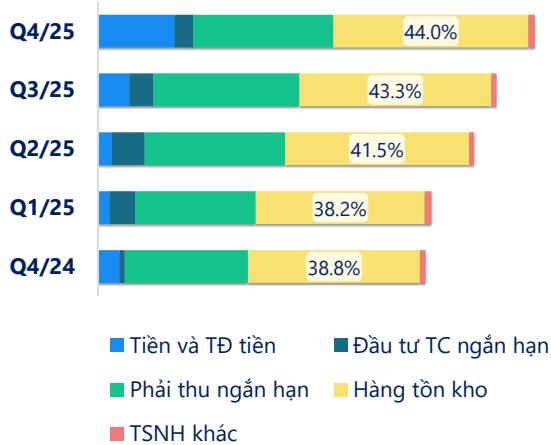
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



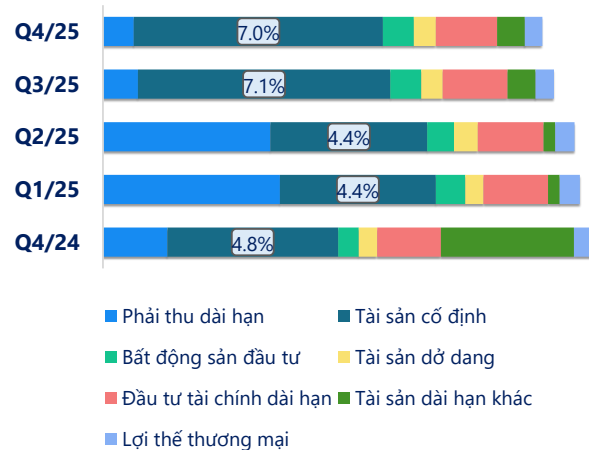
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

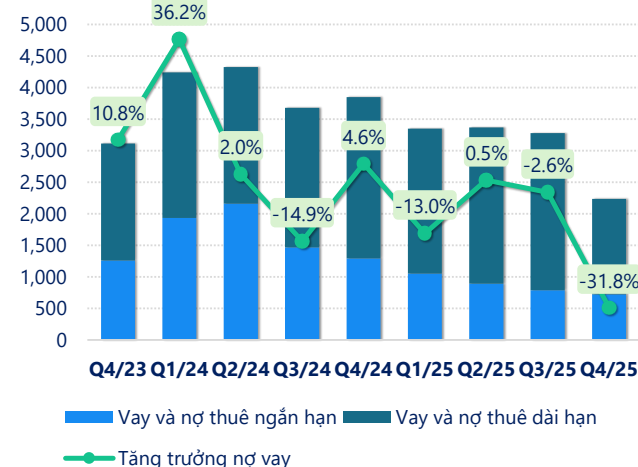
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

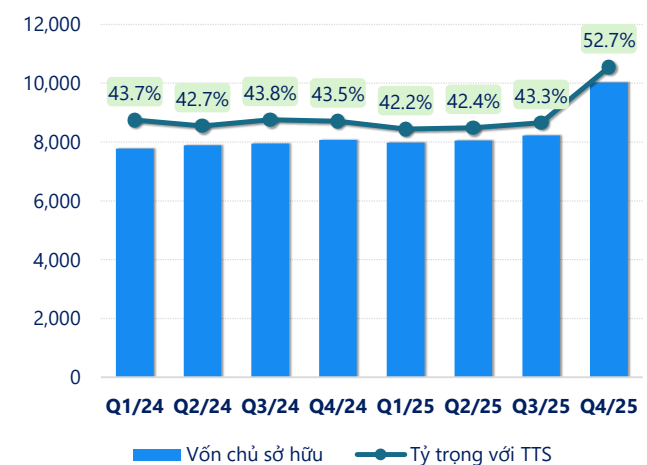
Nợ vay



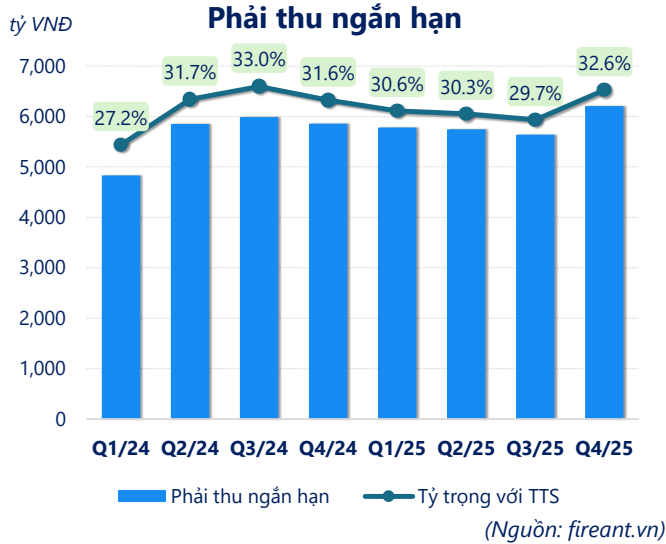
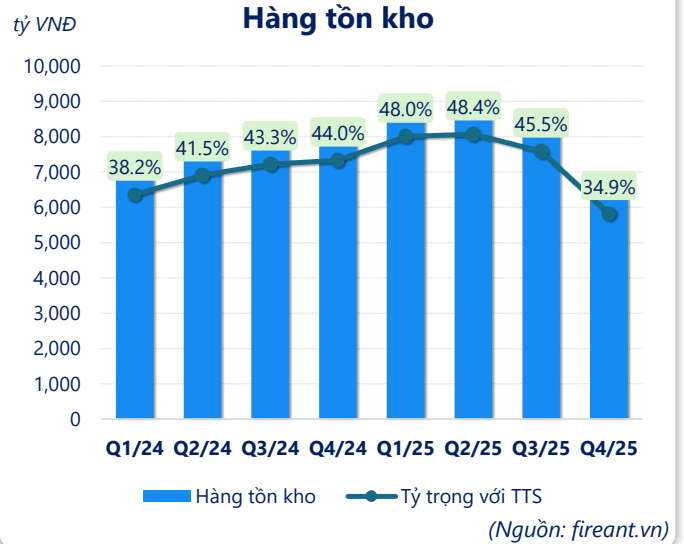
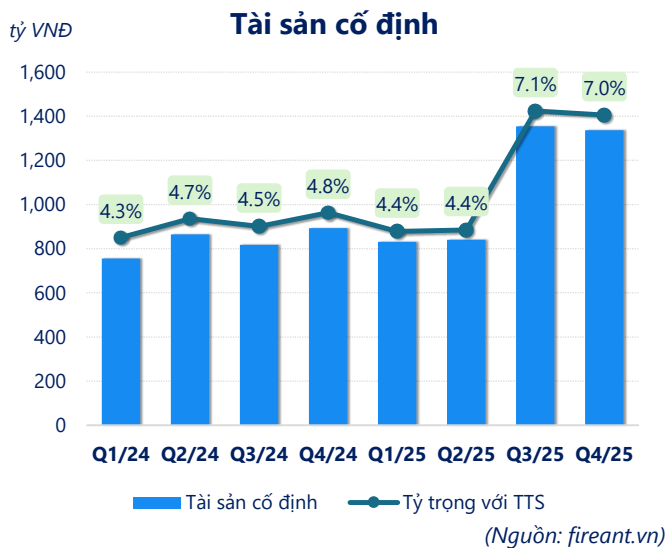
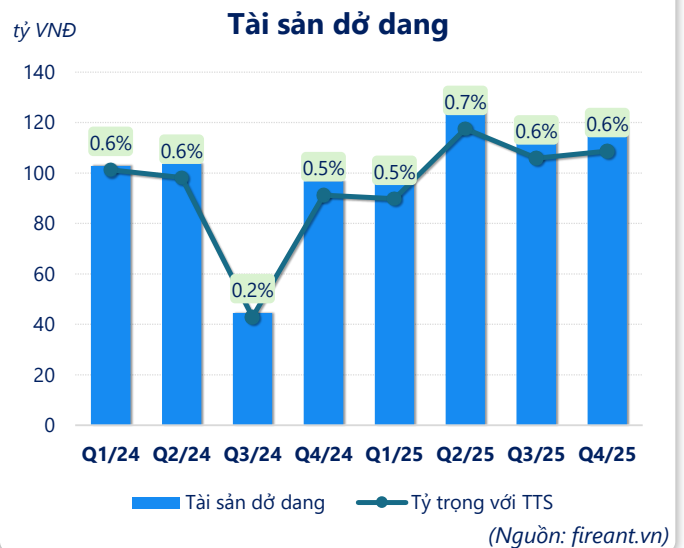
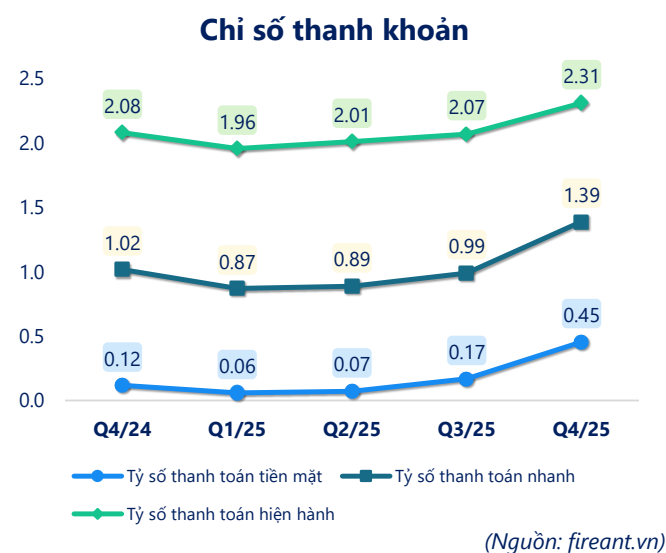
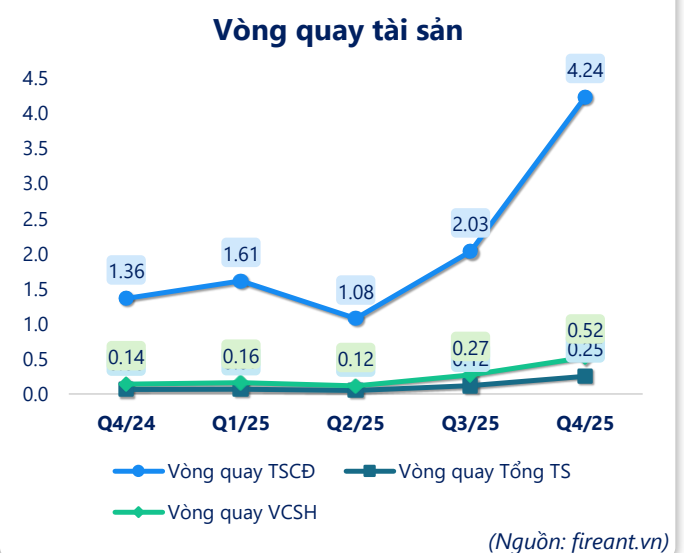
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	18,535	18,910	18,974	19,013	19,018
Tài sản ngắn hạn	15,963	16,365	16,450	16,594	16,661
Tiền và tương đương tiền	895	495	586	1,349	3,279
Đầu tư tài chính ngắn hạn	786	781	667	659	251
Phải thu ngắn hạn	5,858	5,780	5,743	5,640	6,205
Hàng tồn kho	8,154	9,086	9,190	8,655	6,639
Tài sản ngắn hạn khác	270	224	265	290	287
Tài sản dài hạn	2,572	2,545	2,524	2,419	2,357
Phải thu dài hạn	337	945	896	187	166
Tài sản cố định	893	831	840	1,354	1,337
Bất động sản đầu tư	109	158	143	166	165
Tài sản dở dang	96.7	97.1	127	115	118
Đầu tư tài chính dài hạn	333	344	352	348	329
Tài sản dài hạn khác	695	63.2	62.7	151	148
Lợi thế thương mại	109	108	103	98.9	94.3
Nợ phải trả	10,468	10,928	10,922	10,786	8,989
Nợ ngắn hạn	7,676	8,367	8,186	8,022	7,215
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,293	1,052	893	788	723
Phải trả người bán ngắn hạn	511	769	339	522	529
Nợ dài hạn	2,792	2,561	2,735	2,764	1,774
Vay và nợ thuê dài hạn	2,557	2,299	2,474	2,492	1,514
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,067	7,983	8,053	8,228	10,029
Vốn chủ sở hữu	8,067	7,983	8,053	8,228	10,029
Vốn điều lệ	6,099	6,099	6,464	6,464	7,964
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)